**BÀI 6: TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**

*(Số tiết: 12 tiết)*

**Tiết 78,79:**

**Thực hành tiếng Việt: NÓI GIẢM - NÓI TRÁNH**

(*Thời gian thực hiện: 02 tiết*)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***1.1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các BPTT nói quá, nói giảm nói tránh, vận dụng được những biện pháp này vào đọc, viết, nói và nghe.

***1.2. Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**- Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính; Phiếu học tập; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**- Học liệu:** KHBD; Tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Cho 2 ví dụ sau đây, em hãy nhận xét:

VD1: Thành ngữ “mười bảy bẻ gãy sừng trâu” khẳng định điều gì? Cách nói như trong câu tục ngữ này được gọi là gì?

VD2: “Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài bỏ đi để chị ở lại một mình”. Từ “bỏ đi” trong câu này được hiểu là gì? Cách dùng từ “bỏ đi” ở trong câu này được gọi là cách nói gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Gọi 1 -2 hs chia sẻ.

\*Sản phẩm dự kiến:

VD1: Thành ngữ khẳng định sức mạnh phi của thanh niên → Nói quá

VD2: Cụm từ “bỏ đi” biểu thị cái chết của nhân vật đứa con → Nói giảm, nói tránh.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV tổng kết trò chơi, khuyến khích, khen ngợi HS và dẫn vào bài mới:

*Trong đời sống hàng ngày cũng như trong TPVHNT, chúng ta vận dụng khéo léo, hiệu quả các BPTT đạt được hiệu quả giao tiếp là điều cần thiết. Ngày hôm nay, cô và các em cùng tìm hiểu thêm một số BPTT nữa đó là nói quá, nói giảm – nói tránh.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (15p)**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các BPTT nói quá, nói giảm nói tránh, vận dụng được những biện pháp này vào đọc, viết, nói và nghe.

**b) Nội dung:**

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn”:  + GV yêu cầu HS chia thành 4 đội, mỗi đội được phát một bộ thẻ có các phương án A, B, C, D. Người cầm thẻ ngồi ở vị trí trung tâm để giơ thẻ chọn phương án đúng.  + Gv chiếu câu hỏi, sau 5s các đội phải giơ phương án đúng (không được thay đổi phương án). Đội nào trả lời được nhiều câu đúng nhất sẽ chiến thắng và được khen ngợi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: lắng nghe hướng dẫn, thành lập đội chuẩn bị tham gia trò chơi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Tổ chức cho HS tham gia trò chơi, xử lí tình huống nếu có.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Tổng kết trò chơi, nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau; | **I. Định hướng:**  - Nói quá, nói giảm – nói tránh |
| **CÂU HỎI**  **Câu 1: Thế nào là BPTT?**   1. Là cách sử dụng các hình ảnh để đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét… người đọc. 2. Là cách sử dụng…tư tưởng. 3. Là cách sử dụng ngôn ngữ theo cách đặc biệt…người đọc. 4. Là cách sử dụng… ấn tượng với người đọc.   **Câu 2: Xác định hình ảnh phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật trong ví dụ dưới đây?**  *Bàn tay ta làm nên tất cả*  *Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.*  (Hoàng Trung Thông)   1. Hình ảnh… “bàn tay ta” 2. Hình ảnh… “sức người” 3. Hình ảnh … “Sỏi đá cũng thành cơm” 4. Hình ảnh… “sỏi đá”   **Câu 3: Khi sử dụng hình ảnh phóng đại ở trên, câu thơ trên muốn biểu đạt nội dung gì?**   1. Nhấn mạnh … giá trị sức mạnh của lao động… câu thơ. 2. Nhấn… hình ảnh con người lao động… câu thơ. 3. Nhấn…sự cần cù, khẩn trương… câu thơ. 4. Nhấn mạnh… khó khăn, vất vả… câu thơ.   **Câu 4: Tìm phương án đúng nhất trong các đáp án dưới đây:**   1. Buồn nẫu ruột, giận sôi gan, … là những cách nói khoa trương được sử dụng để sáng tác thơ ca. 2. Buồn nẫu ruột, giận sôi gan, … là những cách nói khoa trương được sử dụng để sáng tác truyện kí. 3. Buồn nẫu ruột, giận sôi gan, … là những cách nói khoa trương được sử dụng để sáng tác văn bản nghị luận. 4. Buồn nẫu ruột, giận sôi gan, … là những cách nói khoa trương được sử dụng trong lời ăn tiếng nói hàng ngày.   **Câu 5: Nhận định nào đúng cho hai câu thơ dưới đây:**  *Bác đã đi rồi sao Bác ơi,*  *Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời*  (*Bác ơi*, Tố Hữu)   1. Tác giả sử dụng hình ảnh “*Bác*” để tránh cảm giác đau buồn. 2. Tác giả sử dụng hình ảnh “*Mùa thu*” để tránh cảm giác đau buồn. 3. Tác giả sử dụng hình ảnh “*Bác đã đi rồi*” để tránh cảm giác đau buồn. 4. Tác giả sử dụng hình ảnh “*nắng xanh trời*” để tránh cảm giác đau buồn.   **Câu 6: Trong các cách diễn đạt dưới đây, em chọn cách diễn đạt nào để đạt được hiệu quả trong giao tiếp?**   1. Bác hàng xóm nhà em là lão thành cách mạng, bác mới **chết** hôm qua tại nhà riêng. 2. Bác hàng xóm nhà em là lão thành cách mạng, bác mới **hi sinh** hôm qua tại nhà riêng. 3. Bác hàng xóm nhà em là lão thành cách mạng, bác mới **từ trần** hôm qua tại nhà riêng. 4. Bác hàng xóm nhà em là lão thành cách mạng, bác mới **bỏ mạng** hôm qua tại nhà riêng. | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (45p)**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

***b) Nội dung:*** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

***c) Sản phẩm:*** Sp của HS

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV chia lớp làm 3 tổ, mỗi tổ thực hiện một bài tập trong PHT số 1 theo hình thức cặp đôi, thời gian 5p.  ***PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:***  **Bài 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Câu | Từ ngữ, hình ảnh | Giá trị biểu đạt | Tác dụng | | a |  |  |  | | b |  |  |  | | c |  |  |  |   **Bài 2:**  Phương án ghép đôi.  **Bài 3:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Câu | Từ ngữ, hình ảnh | Giá trị biểu đạt | Tác dụng | | a |  |  |  | | b |  |  |  | | c |  |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** lên báo cáo kết quả.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt kiến thức bằng máy chiếu/ bảng.  **BT1:** GV nhận xét, bổ sung, khắc sâu kĩ năng nhận diện, phân tích tác dụng của BPTT nói quá.  + Nói quá (khoa trương) là BPTT dùng cách phóng đại mức độ, quy mô, tính chất sự việc, hiện tượng được miêu tả nhằm gây ấn tượng tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.  + Để nhận ra biện pháp nói quá cần đối chiếu nội dung lời nói với thực tế. Phải nắm được ý nghĩa hàm ẩn của lời nói (tức là hiểu theo nghĩa bóng chứ không phải nghĩa đen)  **BT2:** GV chú ý phân biệt nói quá với nói khoác cho HS:   * Về mục đích. * Về tác động.   **BT3:** Kĩ năng nhận diện, phân tích tác dụng của BPTT nói giảm, nói tránh. | **II. THỰC HÀNH:**  **Bài tập 1,2,3:**  **Bài 1 (trang 9):**  a.  – Nói quá: “chưa nằm đã sáng”, “chưa cười đã tối”.  - Tác dụng: nhấn mạnh đặc điểm về thời gian của ngày và đêm giữa mùa hạ và mùa đông. Tháng 5 ÂL đêm ngắn ngày dài, tháng 10 ÂL đêm dài ngày ngắn.  b.  – Nói quá: “tát biển Đông cũng cạn”.  - Tác dụng: nhấn mạnh sự hoà hợp vợ chồng có thể cùng nhau làm những điều lớn lao, vượt qua được mọi khó khăn, trở ngại.  c.  – Nói quá: “Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày”.  - Tác dụng: nhấn mạnh sự vất vả của người nông dân.  **Bài 2 (trang 9):**  1-d  2-c  3-a  4-b  **Bài 3 (trang 10):**  a. Từ “yên nghỉ” chỉ “cái chết”. Cách dùng từ làm giảm bớt sự đau buồn, thương tiếc.  b. Từ “mất, về” chỉ “cái chết”. Cách dùng từ làm giảm bớt sự đau buồn, thương tiếc.  c. Từ “khuất núi” chỉ “cái chết”. Cách dùng từ làm giảm bớt sự đau buồn, thương tiếc. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (20p)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã học vào thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

Bài tập 4 (SGK/tr.10)

Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) về một chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm – nói tránh.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS hoạt động cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

Gọi 3- 4 hs chia sẻ.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét.

**\*Hướng dẫn học sinh học bài về nhà và chuẩn bị bài sau: (5p)**

**- Bài cũ:** Ôn tập theo bài học;

**- Bài mới:** Soạn “Bụng và Răng, Miệng, Tay và Chân/ Tục ngữ về TN, lao động, con người và xã hội” theo hệ thống PHT đã giao trên Zalo nhóm lớp.

**BÀI 6: TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**

*(Số tiết: 12 tiết)*

**Tiết 80:**

**Thực hành đọc hiểu:**

(*Thời gian thực hiện: 01 tiết*)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***1.1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học…) của truyện ngụ ngôn và tục ngữ.

***1.2. Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

**2. Phẩm chất:**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

**\*Giáo dục HS khuyết tật:** HS đọc được VB; giao tiếp được với thầy cô và bạn bè; trả lời được những câu hỏi ở mức độ nhận biết, thông hiểu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**- Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính; Phiếu học tập; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**- Học liệu:** KHBD; Sgk, Sgv

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Em đã từng ghen tị, so bì với người khác chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện ấy (nếu có)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Gọi 1 -2 hs chia sẻ.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV nhận xét, khuyến khích, khen ngợi HS và dẫn vào bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30p)**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học…) của truyện ngụ ngôn và tục ngữ.

**b) Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**I/ Văn bản 1 “Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **VB1 “Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân”**  **Hoạt động tìm hiểu chung về văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Xác định PTBĐ chính của VB?*  - Tự sự  *? Với PTBĐ này chúng ta sẽ đọc VB với giọng đọc như thế nào?*  + Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc VB.  + HS khác nhận xét.  + Giải thích từ khó trong VB.  - GV chuyển giao nhiệm vụ tiếp theo cho HS qua hệ thống câu hỏi:  *1/ Nêu xuất xứ của VB?*  *2/ VB được viết theo thể loại nào?*  *3/ Em hãy chia bố cục VB và nội dung từng phần?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ cá nhân .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày lần lượt trả lời từng câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau; | **I. Tìm hiểu chung:**  **1.Tác giả**  **2. Tác phẩm**  **\*Xuất xứ:**  **3. Hướng dẫn đọc**  **a) Đọc hiểu chú thích**  - Đọc to, rõ ràng, mạch lạc; hào hứng;    **b) Đặc điểm thể loại**  - Thể loại: Truyện ngụ ngôn  -Bố cục:3 phần  + P1 (từ đầu ... *thấy là*.): Hành động của Răng, Miệng, Chân, Tay  + P2 (tiếp ... *phút nào*.): Kết quả của hành động  + P3 (Còn lại): Quyết định của Răng, Miệng, Tay, Chân |
| **Hoạt động đọc hiểu văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Đọc VB và hoàn thành PHT sau: (Đã giao về nhà)   |  |  | | --- | --- | | Hành động | Kết quả | | Răng |  | | Miệng |  | | Tay |  | | Chân |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: xem lại bài chuẩn bị  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** thuyết trình sản phẩm của mình  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, ghi bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1.Hành động của Răng, Miệng, Tay, Chân và kết quả của hành động**   |  |  | | --- | --- | | Hành động | Kết quả | | Răng không nhai. |  | | Miệng không ăn | Miệng khô, đắng ngắt cả ngày. | | Tay không gắp thịt. | Đôi Tay oặt ẹo | | Chân | Chân không đi nổi. | | => Các bộ phận quyết định không làm gì nữa. | => Tất cả các bộ phận cảm thấy rã rời, mệt mỏi, không thể làm gì được.  - Các bộ phận nhận ra vai trò của Bụng: Bụng cũng làm việc để tiêu hóa thức ăn, đem lại năng lượng cho cơ thể.  => Các bộ phận quyết định: cùng chung sức đoàn kết, ghen tị chỉ làm cơ thể rã rời, không đem lại lợi ích gì. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Theo em có thể rút ra bài học gì từ truyện ngụ ngôn Bụng và Răng, Miệng, Ta, Chân?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: thực hiện theo yêu cầu của GV  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi; HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, ghi bảng. | **2. Bài học**  - Mỗi người đều có một vai trò, ý nghĩa riêng. Vì vậy, mỗi người cần cố gắng làm tốt bổn phận, nghĩa vụ của bản thân mình.  - Không nên ganh tị, so bì với người khác.  - Trong một tập thể, cần biết đoàn kết, giúp đỡ người khác để tạo nên sức mạnh, xây dựng tập thể vững mạnh. |
| **Hoạt động tổng kết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Khái quát ND và NT của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi   **B3: Báo cáo, thảo luận**   * HS nhận xét, bổ sung câu trả lời cho bạn.   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt ý. | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Truyện nêu lên cách ứng xử giữa người với người, giữa cá nhân và tập thể được rút ra từ thực tiễn cuộc sống.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Kể chuyện bằng văn vần.  - Mượn bộ phận cơ thể để nói về con người.  **3. Cách đọc văn bản** |

**II/ Văn bản 2: Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội**  **Hoạt động tìm hiểu chung về văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Xác định PTBĐ chính của VB?*  - Biểu cảm  *? Với PTBĐ này chúng ta sẽ đọc VB với giọng đọc như thế nào?*  + Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc VB.  + HS khác nhận xét.  + Giải thích từ khó trong VB.  - GV chuyển giao nhiệm vụ tiếp theo cho HS qua hệ thống câu hỏi:  *1/ Nêu xuất xứ của VB?*  *2/ VB được viết theo thể loại nào?*  *3/ Em hãy chia bố cục VB và nội dung từng phần?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ cá nhân .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày lần lượt trả lời từng câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau; | | **A. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả**  **2. Tác phẩm**  **\*Xuất xứ:**  **3. Hướng dẫn đọc**  **a) Đọc hiểu chú thích**  - Đọc to, rõ ràng, mạch lạc; hào hứng;    **b) Đặc điểm thể loại**  - Thể loại: Tục ngữ  -Bố cục:2 phần  + Nhóm tục ngữ về thiên nhiên và lao động.  + Nhóm tực ngữ về con người, xã hội. |
| **Hoạt động đọc hiểu văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Chia lớp thành các nhóm nhỏ để tìm hiểu ý nghĩa của các câu tục ngữ, hoàn thành phiếu học tập  ***(Các nhóm lựa chọn 1-2 câu tục ngữ ở mỗi nội dung để trình bày)***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nêu cách hiểu của em về các câu tục ngữ | | | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Tục ngữ về TN, LĐ |  |  | | Tục ngữ về con người, xã hội |  |  | | 2.Những câu tục ngữ có ý nghĩa gì đối với đời sống thực tiễn của con người?  ……………………………………… | | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** thảo luận theo nhóm, hoàn thiện phiếu học tập  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Đại diện nhóm** trả lời câu hỏi; nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, ghi bảng. | **B. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Tục ngữ về thiên nhiên, lao động**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Câu 1 | gieo vần lưng | Khi trên trời xuất hiện ráng có sắc vàng giống màu mỡ gà tức là trời sắp có bão, người dân cần chủ động phòng chống bão, giữ gìn nhà cửa, tài sản. | | Câu 4 | điệp ngữ, vần lưng | Người đi đánh bắt tôm cá muốn bắt được nhiều tôm thì nên đi vào lúc chập tối; muốn bắt được nhiều cá nên đi câu vào lúc hửng sáng. | | Dựa vào nội dung các câu tục ngữ, nhân dân có thể đoán được thời tiết, biết cách lao động, sản xuẩt | | |   **2. Tục ngữ về con người, xã hội**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Câu 5 | Ẩn dụ, đối | Khó khăn về vật chất vẫn phải sống trong sạch, thiện lương. | | Câu 8 | Ẩn dụ | Khi được hưởng thành quả nào đó, phải nhớ đến người có công xây dựng nên, phải biết ơn người đã giúp mình. | | Những câu tục ngữ về con người, xã hội là bài học về phẩm chất đạo đức, lối sống để từ đó, con người hoàn thiện bản thân hơn. | | | | |
| **Hoạt động tổng kết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Khái quát ND và NT của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi   **B3: Báo cáo, thảo luận**   * HS nhận xét, bổ sung câu trả lời cho bạn.   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt ý. | | **C. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Tục ngữ đúc rút những kinh nghiệm quý báu từ thực tế đời sống nhân dân lao động.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Câu ngắn gọn, hàm súc  - Có hình ảnh, vần điệu.  **3. Cách đọc văn bản** |

**3. Hoạt động 3,4: Luyện tập – Vận dụng (5p)**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

***b) Nội dung:*** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

***c) Sản phẩm:*** Sp của HS

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV giao nhiệm vụ cho HS:

*? Đối chiếu với khái niệm truyện ngụ ngôn ở phần tri thức ngữ văn để nêu sự giống nhau và khau giữa truyện ngụ ngôn này với các truyện ngụ ngôn khác đã học?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**- HS** suy nghĩ, thực hiện yêu cầu một cách độc lập.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- Bài làm của HS

\*Sản phẩm dự kiến:

\* Giống:

- Mượn chuyện về đồ vật, loài vật, cây cỏ,…để gián tiếp nói chuyện con người, nêu lên triết lý nhân sinh và những bài học kinh nghiệm về cuộc sống.

\* Khác:

- Được kể bằng văn vần.

- Thay vì dùng hình ảnh con vật, câu chuyện lấy nhân vật là các bộ phận trên cơ thể người để nêu lên bài học về lòng đoàn kết.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số; khen ngợi và biểu dương HS.

**\*Hướng dẫn học sinh học bài về nhà và chuẩn bị bài sau: (5p)**

**- Bài cũ:** Ôn tập theo bài học;

**- Bài mới:** Soạn “*Viết*”theo hệ thống PHT đã giao trên Zalo nhóm lớp.